

Bản án số: 58/2019/DSPT

Ngày 18 - 4 - 2019

“*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Đức

Bà Lưu Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Quỳnh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2019, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2019/TLPT-DS ngày 07/01/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 60/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2019/QĐ-PT ngày 27/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB, địa chỉ: Đường T, phường AL, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Võ Tá P, địa chỉ: Xã BT, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên tòa;

(Ông P không ủy quyền cho ông Nguyễn Huy H1 tham gia tố tụng tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị H2, địa chỉ: Đường V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (Đã chết vào ngày 28/01/2019);

3.2. Bà Nguyễn Thị C, địa chỉ: Đường Đ, phường AL, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt;

3.3. Ông Chu Văn Q, địa chỉ: Đường V, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

*** Người kháng cáo:** Bị đơn ông Võ Tá P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 13/8/2018 và quá trình tham gia tố tụng người đại diện của nguyên đơn trình bày:**

Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB và ông Võ Tá P có quan hệ mua bán phân bón với nhau. Quá trình mua bán phân bón giữa hai bên đã mua bán và trả tiền nhiều lần, tuy nhiên ông P còn nợ tiền phân bón của Công ty, cụ thể theo biên bản xác nhận công nợ ngày 20/10/2010 thì ông P còn nợ của Công ty số tiền 77.090.400đ (Bảy mươi bảy triệu chín mươi ngàn bốn trăm đồng), Công ty yêu cầu ông P trả nợ nhiều lần nhưng đến nay ông P vẫn chưa trả.

Nay Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Võ Tá P có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB với số tiền là 77.090.400 đồng, trong đó, tiền gốc là 44.820.000 đồng, nợ lãi từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/12/2010 với mức lãi suất là 2%/tháng thành tiền là 32.270.400 đồng.

*** Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Võ Tá P trình bày:**

Vào ngày 20/10/2010 ông có ký xác nhận nợ quá hạn với Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB với số tiền gốc và lãi là 77.090.400 đồng, đây là số tiền nợ xăng dầu và phân bón và hẹn đến 30/12/2010 sẽ trả, nếu quá thời hạn trên ông không thanh toán thì Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB sẽ khởi kiện ra Toà án, nhưng trong thời gian trên ông đã thanh toán nhiều lần cho Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB xong khoản nợ này và cụ thể ông đã trả nhiều lần cho bà Nguyễn Thị H2, bà Nguyễn Thị C và ông Chu Văn Q là cán bộ của Công ty, do đó vào năm 2013 Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB vẫn tiếp tục ký hợp đồng mua bán xăng dầu, cà phê với ông và cũng đã thanh toán đầy đủ. Vì vậy, Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB khởi kiện ông là không đúng, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB.

*** Quá trình tham gia tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Trước đây bà C là kế toán của Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB, mặc dù làm kế toán nhưng bà C không quản lý về kế toán phân bón và cũng không nhận khoản tiền nào từ ông Võ Tá P.

- Bà Nguyễn Thị H2 (khai trước khi chết) và ông Chu Văn Q cùng ý kiến trình bày: Ông bà không có nhận khoản tiền nào từ ông Võ Tá P như ông P trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, điểm b khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 428; 429; 431; 432; 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB.

Buộc ông Võ Tá P có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB với số tiền là 77.090.400 đồng (Bảy mươi bảy triệu chín mươi ngàn bốn trăm đồng), trong đó tiền gốc là 44.820.000 đồng, nợ lãi từ ngày 01/01/2008 đến ngày 30/12/2010 với mức lãi suất là 2%/tháng thành tiền là 32.270.400 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/12/2018, bị đơn ông Võ Tá P kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì ông P đã trả hết nợ cho Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đơn kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Tá P – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB với Công ty T là hai tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích thu lợi nhuận. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là vụ án dân sự là chưa chính xác, nhưng việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự không làm thay đổi bản chất vụ án. Mặt khác, do ông P ký xác nhận nợ với tư cách cá nhân và đây là doanh nghiệp của gia đình ông P. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2]. Về nội dung, xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Tá P, thì thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự xác định được: Từ năm 1996 đến năm 2004, hộ gia đình ông Võ Tá P

kinh doanh phân bón và nông sản nên có mua phân bón của Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB (gọi tắt là Công ty KB). Năm 2004, hộ kinh doanh của ông Võ Tá P chuyển đổi hình thức kinh doanh từ Hộ kinh doanh thành Công ty T với 02 thành viên (do ông Võ Tá P là người đại diện theo pháp luật và vợ ông P là bà Thái Thị Ngọc L làm thành viên của Công ty) và kinh doanh thêm mặt hàng xăng dầu, đồng thời tiếp tục hợp tác kinh doanh với Công ty KB đến năm 2013.

Quá trình hợp tác kinh doanh, cá nhân ông Võ Tá P có nợ tiền mua phân bón của ông Công ty KB. Do đó, đến ngày 01/9/2009 hai bên đã xác lập Biên bản xác định nợ quá hạn, theo đó tính đến ngày 01/9/2009 thì cá nhân ông Võ Tá P còn nợ tiền phân bón của Công ty KB là 52.887.000 đồng (trong đó 44.820.000 đồng nợ gốc và 8.067.000 đồng tiền lãi suất), ông Võ Tá P là người trực tiếp đứng ra ký nhận nợ và cam kết đến ngày 30/02/2009 sẽ thanh toán hết nợ cho Công ty KB. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ ông P vẫn không trả được nợ cho Công ty KB nên đến ngày 20/10/2010, hai bên tiếp tục xác lập thêm 01 Biên bản xác định nợ quá hạn và xác định nợ quá hạn là 77.090.400 đồng (trong đó 44.820.000 đồng nợ gốc và 32.270.400 đồng tiền lãi suất) và cam kết ngày 30/12/2010 sẽ trả hết nợ nhưng đến nay ông P vẫn chưa trả được số nợ nêu trên cho Công ty KB là vi phạm thời hạn về nghĩa vụ trả nợ. Mặc dù, khi ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty KB, ông P đều nhân danh pháp nhân nhưng khi xác nhận nợ với tư cách cá nhân ông P và đây là doanh nghiệp của vợ chồng ông P. Do đó, việc buộc ông Võ Tá P phải trả cho Công ty KB 77.090.400 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Võ Tá P cho rằng đã trả hết nợ 77.090.400 đồng cho Công ty KB thông qua bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H2 và ông Chu Văn Q là kế toán và nhân viên của Công ty KB nhưng ba người này không thừa nhận, đồng thời ông P có cung cấp các chứng cứ gồm: Bản sao kê tài khoản của Công ty T từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2013 và 05 hóa đơn giá trị gia tăng (gồm: Hóa đơn số 0000878 ngày 14/01/2013; số 0000880 ngày 15/01/2013; số 0001000 ngày 02/02/2013; số 0000098 ngày 25/02/2013; số 0000238 ngày 26/3/2013). Đối với các hóa đơn mà ông P cung cấp là các hóa đơn mua bán xăng dầu và cà phê với Công ty KB mà không phải số tiền chuyển trả đối với khoản nợ tiền phân bón, đồng thời các hóa đơn, chứng từ này không thể hiện việc đã thanh toán khoản nợ 77.090.400 đồng nêu trên là phù hợp với ý kiến trình bày của nguyên đơn cũng như các hóa đơn, chứng từ do nguyên đơn cung cấp. Ngoài ra, ông P cũng không cung cấp được chứng cứ khác để chứng minh cho việc ông P đã trả tiền nợ phân bón cho nguyên đơn. Còn nguyên đơn là Công ty KB thì không thừa nhận và có cung cấp chứng cứ việc ông P chưa thanh toán khoản nợ nêu trên. Lý do cá nhân ông P và Công ty T đã thanh toán xong các khoản nợ mua bán xăng dầu và cà phê mà chưa thanh toán xong nợ phân bón thì nguyên đơn xác định là do phía Công

ty KB có thành lập 02 tổ kinh doanh hoạt động riêng biệt, 01 là tổ kinh doanh mua bán xăng dầu và cà phê và 01 tổ là kinh doanh mua bán phân bón. Do đó, không đủ căn cứ để chấp nhận ý kiến, các chứng cứ, tài liệu do bị đơn cung cấp. Như vậy, không có cơ sở để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Tá P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cho rằng, bị đơn có trả dư cho nguyên đơn hơn 75 triệu đồng là khoản tiền xăng dầu và cà phê và tại phiên tòa nguyên đơn xác định nếu bị đơn trả dư mà có chứng cứ, tài liệu thì bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm và có nhận định như Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5]. Về sai sót của Tòa án cấp sơ thẩm: Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 là không đúng, vì pháp lệnh này đã hết hiệu lực thi hành nên Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Tá P phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Tá P – Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 428; 429; 431; 432; 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26; Điều 47 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB.

[2]. Buộc ông Võ Tá P có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần thương mại vật tư nông nghiệp KB với số tiền là 77.090.400 đồng (Bảy mươi bảy triệu chín mươi ngàn bốn trăm đồng), trong đó tiền gốc là 44.820.000 đồng, tiền lãi là 32.270.400 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Tá P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông P đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số AA/2017/0011297 ngày 21/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, ông P đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Y Phi Kbuôr